

Bộ sách luyện thi IELTS dành cho người mới bắt đầu

HACKERS IELTS

Writing

BASIC

MỤC LỤC

Hacker IELTS Writing Basic

Con đường ngắn nhất giúp bạn về đích B

Giới thiệu IELTS 12

Giới thiệu bài thi Writing và chiến lược

Nguyện thi 16

Kế hoạch học tập 20

Chiến lược bài

1. Thành phần câu	90	7. Liên từ	154
2. Dạng thức của động từ	100	8. Đại từ	154
3. Số ít và số nhiều	110	9. Mạo từ	174
4. Thì	120	10. Đại từ sở hữu	184
5. Nội động từ và ngoại động từ	130	11. Tính từ và trạng từ	194
6. Thể bị động	140	12. Thứ tự sắp xếp các thành phần trong câu đơn chủ ngữ	204

Week 1

Ôn tập ngữ pháp cần thiết

INTRO

Day 1	V-ing và to-V	28
Day 2	Phân từ	36
Day 3	Mệnh đề danh ngữ và mệnh đề trạng ngữ	44
Day 4	Mệnh đề quan hệ (mệnh đề tính ngữ)	52
Day 5	It và There	60
Day 6	Cấu trúc so sánh và cấu trúc song song	68

Week 2

Luyện tập diễn đạt theo tình huống

INTRO

Day 1	Cách diễn đạt thể hiện sự tăng, giảm, biến động	82
Day 2	Cách diễn đạt thể hiện sự so sánh, tỷ lệ, mức ổn định	92
Day 3	Cách diễn đạt thể hiện quá trình, sự biến đổi, vị trí	102
Day 4	Cách diễn đạt thể hiện đồng tình - phản đối, ưu - nhược điểm, so sánh, đối chiếu	112
Day 5	Cách diễn đạt thể hiện nguyên nhân - kết quả, ví dụ, trích dẫn, giới thiệu - diễn giải	122
Day 6	Cách diễn đạt thể hiện điều kiện, giả định, nhượng bộ, tóm tắt	132

Week 3**Luyện viết theo chủ đề****INTRO**

Day 1	Chủ đề giáo dục	146
Day 2	Chủ đề chính sách & pháp luật	158
Day 3	Chủ đề gia đình & sức khỏe	166
Day 4	Chủ đề nghề nghiệp & xã hội	178
Day 5	Chủ đề thiên nhiên, môi trường & khoa học kỹ thuật	186
Day 6	Chủ đề du lịch & thể giới	196

Week 4**Chuẩn bị cho bài thi thực tế****INTRO**

Day 1	Lập dàn bài Task 2	210
Day 2	Viết bài Task 2 (1): Viết câu chủ đề	220
Day 3	Viết bài Task 2 (2): Hoàn thành đoạn văn	228
Day 4	Ghi chú những phần tích chính trong Task 1	244
Day 5	Viết bài Task 1 (1): Viết câu chủ đề	252
Day 6	Viết bài Task 1 (2): Hoàn thành đoạn văn	266

ACTUAL TEST

277

Cách sử dụng dấu câu [Phụ lục]

284

Tự kiểm tra bài viết [Phụ lục]

286

Bài viết mẫu - Phân tích - Tự vựng [Đáp án]

290

Hackers IELTS Writing Basic

Con đường ngắn nhất giúp bạn về đích

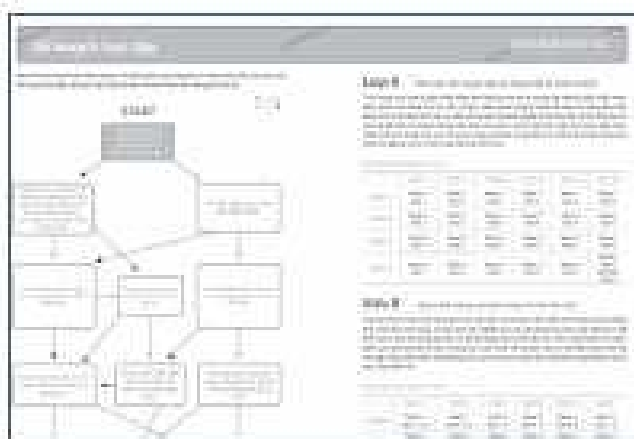


01. Đạt điểm IELTS Writing mong muốn chỉ sau 4 tuần



Chinh phục IELTS Writing từ lý thuyết đến thực hành

Sách được biên soạn dựa trên quá trình phân tích tỉ mỉ xu hướng ra đề IELTS. Chỉ trong 4 tuần, người học sẽ được hỗ trợ từ ngữ pháp tiếng Anh căn bản tới cách viết từng dạng bài. Cuốn sách bao quát toàn bộ kiến thức cần có về IELTS Writing, là bước đệm vững chắc giúp bạn đạt được band điểm như mong muốn.



Kế hoạch ôn tập phù hợp

Bạn có thể tự mình đánh giá năng lực của bản thân bằng Bảng đánh giá năng lực cá nhân, từ đó tự chọn cho mình một trong 4 kế hoạch ôn tập được đề xuất để việc ôn tập đạt hiệu quả cao nhất.

02. Học Writing một cách có hệ thống, từ lý thuyết đến thực hành

**Week 1 - Ôn tập ngữ pháp cần thiết cho bài thi Writing**

Trong Week 1, người học sẽ ôn luyện tất cả ngữ pháp cần thiết để viết tiếng Anh, qua đó xây dựng nền móng vững chắc cho kỹ năng viết. Sau đó, người học sẽ áp dụng kiến thức này để viết những câu cơ bản có thể dùng ngay trong bài thi IELTS Writing.

**Week 2, 3 - Luyện tập diễn đạt và viết theo chủ đề**

Trong Week 2, người học sẽ luyện tập diễn đạt theo linh hướng, phù hợp với từng dạng bài của các Task. Sau đó trong Week 3, người học sẽ luyện viết theo các chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS Writing để nâng cao kỹ năng viết.

**Week 4 - Luyện tập chuẩn bị cho bài thi IELTS Writing**

Ở Week 4, người học sẽ tìm hiểu các bước hoàn thành bài thi IELTS Writing để chuẩn bị cho kì thi thật. Sau đó, người học trực tiếp luyện tập các phương pháp viết hiệu quả cho bài phân tích, tóm tắt đồ biểu ở Task 1 và bài luận ở Task 2.

**ACTUAL TEST**

Phần gần cuối sách là đề thi thử IELTS Writing Task 1 và Task 2. Người học có thể áp dụng các kỹ năng đã học để làm bài thi có mức khó tương đương với đề thi thật.

Hackers IELTS Writing Basic

Con đường ngắn nhất giúp bạn về đích



03. Nâng cao kỹ năng viết với phần chẩn đoán lỗi và khung đối chiếu để tự kiểm tra



Chẩn đoán lỗi

Mục Chẩn đoán lỗi ở cuối mỗi ngày học của Week 2-3 giúp người học nhận biết và khắc phục những phần ngữ pháp dễ sai khi viết câu.



Cách sử dụng đầu câu

Cuốn sách cung cấp phần luyện tập cách sử dụng các đầu câu thật chính xác để người học có thể viết câu ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu.



Tự kiểm tra bài viết

Người học có thể tự kiểm tra bài viết của mình dựa trên các mục đánh giá đã được quy chuẩn. Cách luyện tập này sẽ giúp bạn xác định được điểm yếu để ôn luyện, củng cố thêm kỹ năng nhằm cải thiện band điểm.

04. Sử dụng phương pháp ghi chép các phân tích chính, viết dàn bài và tham khảo câu trả lời mẫu để nâng cao kỹ năng

VÍ DỤ VIẾT BÀI BÁO CÁO THEO TỪNG BƯỚC

WRITING SAMPLE

Trong bài 3, chúng ta đã học viết bài báo cáo theo từng bước. Bài báo cáo về sự phát triển kinh tế của Việt Nam như sau:

The chart below gives information on the percentage of Viet Nam's population working in each of the four main parts (agriculture, industry, services, and other) in 1990 and 2000. Consider the information by writing a report comparing the main features and trends.

Đồ thị cho thấy sự thay đổi về tỷ lệ phần trăm dân số Việt Nam làm việc trong các lĩnh vực chính (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành khác) vào năm 1990 và năm 2000. Xem xét thông tin và viết báo cáo so sánh các đặc điểm chính và xu hướng.

Viet Nam's Main Workforce 1990 & 2000

Sector	1990 (%)	2000 (%)
Agriculture	65	55
Industry	25	35
Services	5	10
Other	5	5

1. Viết bài giới thiệu

The bar graph shows the percentage of Viet Nam's main workforce that was employed in the four main sectors (agriculture, industry, services, and other) in 1990 and 2000.

2. Viết bài thân bài

In 1990, 65 percent of the population of Vietnam was employed in agriculture, which was the main sector. Industry and services were the other sectors of working people in 1990. In 2000, however, agriculture had declined, but industry had increased. Services had increased, but other had decreased. In 1990, 25 percent of the population of Vietnam was employed in industry, which was the second sector. In 2000, however, industry had increased to 35 percent. Services had increased from 5 percent in 1990 to 10 percent in 2000. Other had decreased from 5 percent in 1990 to 5 percent in 2000.

3. Viết bài kết luận

In conclusion, the percentage of the population of Vietnam that was employed in agriculture had decreased from 65 percent in 1990 to 55 percent in 2000. Industry had increased from 25 percent in 1990 to 35 percent in 2000. Services had increased from 5 percent in 1990 to 10 percent in 2000. Other had decreased from 5 percent in 1990 to 5 percent in 2000.

4. Viết bài kết luận

In conclusion, the percentage of the population of Vietnam that was employed in agriculture had decreased from 65 percent in 1990 to 55 percent in 2000. Industry had increased from 25 percent in 1990 to 35 percent in 2000. Services had increased from 5 percent in 1990 to 10 percent in 2000. Other had decreased from 5 percent in 1990 to 5 percent in 2000.

Ghi chép các phân tích và viết dàn bài

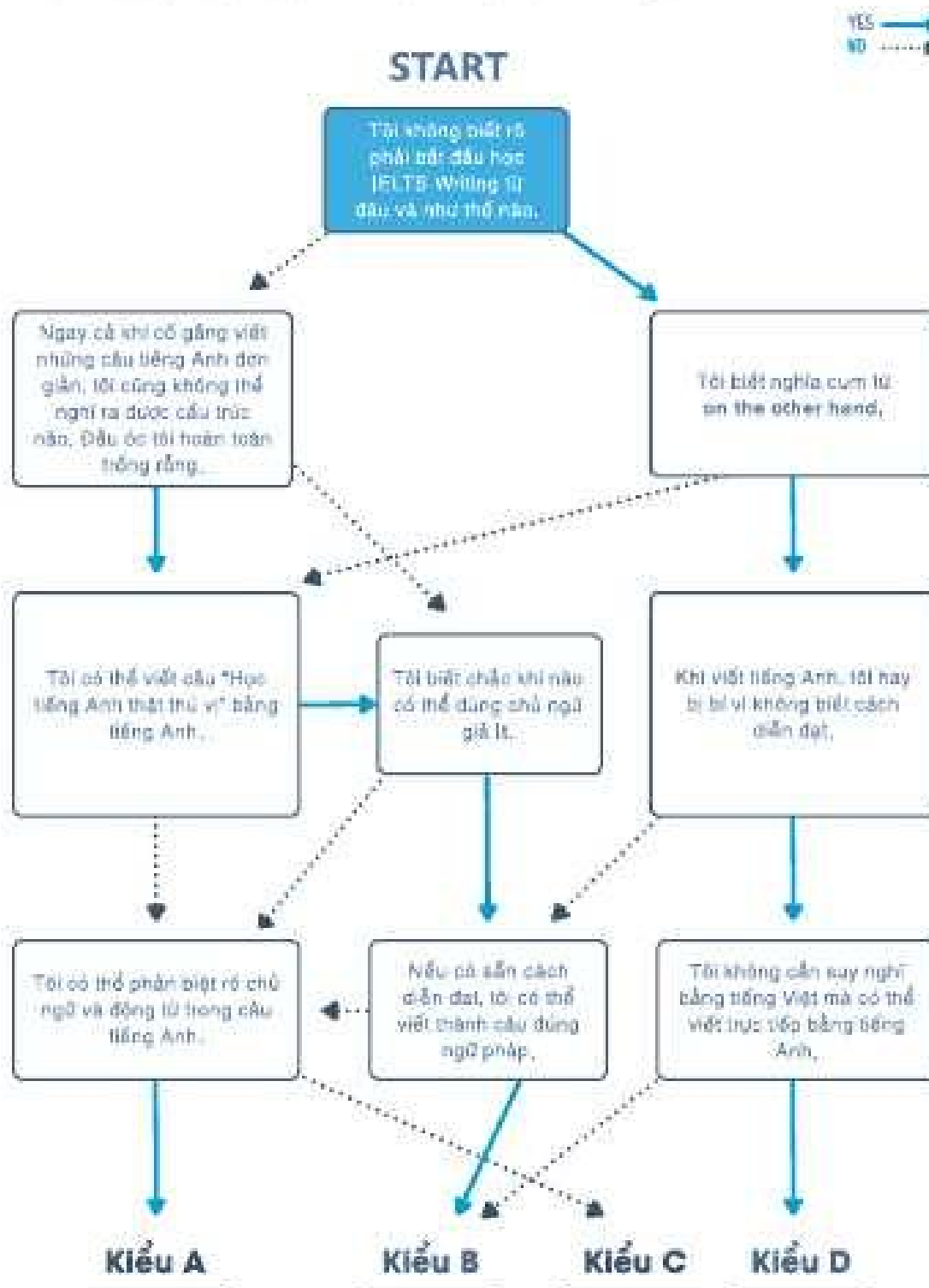
Bạn có thể học cách sắp xếp hiệu quả nội dung cần thiết trong bài tóm tắt của Task 1 qua ví dụ về bản ghi chú các phân tích chính. Ngoài ra, bạn cũng có thể luyện tập cách lập dàn bài hiệu quả qua các dàn bài mẫu của Task 2.

Bài viết mẫu

Người học có thể tham khảo các bài viết mẫu để bổ sung và phát triển ý cho bài viết của mình. Ngoài ra, các bạn cũng có thể áp dụng cách diễn đạt phù hợp với từng dạng bài, từng chủ đề bài viết khi ôn luyện.

Kế hoạch học tập

Sau khi hoàn thành bài trắc nghiệm với *Bảng đánh giá năng lực cá nhân* dưới đây, hãy xem kế hoạch học tập nào phù hợp nhất với bạn và thực hiện theo đúng lộ trình đó.



Kiểu A Bạn cần luyện tập kỹ năng viết từ mức cơ bản

Bạn biết các cấu trúc câu tiếng Anh cơ bản nhưng không biết cách vận dụng chúng vào bài viết. Thỉnh thoảng bạn bị bí vì không biết cách diễn đạt bằng tiếng Anh. Hãy học ngữ pháp, cách diễn đạt và các chiến lược viết bài theo đúng kế hoạch luyện thi trong 4 tuần để nắm được những kỹ năng viết cơ bản.

Kế hoạch ôn luyện 4 tuần

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	Week 1 Day 1	Week 1 Day 2	Week 1 Day 3	Week 1 Day 4	Week 1 Day 5	Week 1 Day 6
Week 2	Week 2 Day 1	Week 2 Day 2	Week 2 Day 3	Week 2 Day 4	Week 2 Day 5	Week 2 Day 6
Week 3	Week 3 Day 1	Week 3 Day 2	Week 3 Day 3	Week 3 Day 4	Week 2 Day 5	Week 3 Day 6
Week 4	Week 4 Day 1	Week 4 Day 2	Week 4 Day 3	Week 4 Day 4	Week 2 Day 5	Week 4 Day 6 ACTUAL TEST

Kiểu B Bạn phải nâng cao khả năng trả lời câu hỏi

Bạn nắm chắc ngữ pháp nhưng chưa biết cách diễn đạt bằng tiếng Anh. Trong tuần đầu tiên, hãy tập trung ôn luyện kiến thức về mệnh đề danh ngữ, mệnh đề trạng ngữ và mệnh đề quan hệ - đây là những nội dung hay áp dụng trong bài thi Writing. Sau đó, bạn tiếp tục tìm hiểu kiến thức của các Week 2, 3 và 4 rồi ôn lại toàn bộ nội dung đã học thêm một lần nữa.

Kế hoạch ôn luyện 3 tuần

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	Week 1 Day 1, 2, 3	Week 1 Day 4, 5, 6	Week 2 Day 1, 2	Week 2 Day 3, 4	Week 2 Day 5, 6	Week 3 Day 1, 2
Week 2	Week 3 Day 3, 4	Week 3 Day 5, 6	Week 4 Day 1	Week 4 Day 2	Week 4 Day 3	Week 4 Day 4
Week 3	Week 4 Day 5	Week 4 Day 6	Week 1	Week 2, 3	Week 4	Actual Test

Kế hoạch học tập

Kiểu C/ Bạn cần luyện tập ngữ pháp cơ bản từng bước một

Nếu bạn chưa nắm chắc ngữ pháp, không biết cách diễn đạt bằng tiếng Anh và không có ý tưởng viết bài, hãy học thật kỹ nội dung từ đầu đến cuối sách trong vòng 4 tuần. Sau đó, bạn cần dành thêm 2 tuần để ôn lại tất cả kiến thức đã học.

Kế hoạch ôn luyện 6 tuần

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	Week 1 Day 1	Week 1 Day 2	Week 1 Day 3	Week 1 Day 4	Week 1 Day 5	Week 1 Day 6
Week 2	Week 2 Day 1	Week 2 Day 2	Week 2 Day 3	Week 2 Day 4	Week 2 Day 5	Week 2 Day 6
Week 3	Week 3 Day 1	Week 3 Day 2	Week 3 Day 3	Week 3 Day 4	Week 2 Day 5	Week 3 Day 6
Week 4	Week 4 Day 1	Week 4 Day 2	Week 4 Day 3	Week 4 Day 4	Week 2 Day 5	Week 4 Day 6 ACTUAL TEST
Week 5	Week 1 Day 1, 2, 3	Week 1 Day 4, 5, 6	Week 2 Day 1, 2, 3	Week 2 Day 4, 5, 6	Week 3 Day 1, 2, 3	Week 3 Day 4, 5, 6
Week 6	Week 4 Day 1	Week 4 Day 2	Week 4 Day 3	Week 4 Day 4	Week 2 Day 5	Week 4 Day 6 ACTUAL TEST

Kiểu D/ Bạn cần luyện cảm giác làm bài thi IELTS Writing thực tế

Khi đã nắm được toàn bộ ngữ pháp và cách diễn đạt trong bài thi viết IELTS, bạn có thể chuyển sang phần chuẩn bị cho bài thi thật. Hãy nhanh chóng ôn luyện kiến thức bản thân chưa nắm rõ ở Week 1, 2 và 3 rồi luyện tập thật kỹ nội dung Week 4 theo từng ngày.

Kế hoạch ôn luyện 2 tuần

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	Week 1 Day 1, 2, 3	Week 1 Day 4, 5, 6	Week 2 Day 1, 2, 3	Week 2 Day 4, 5, 6	Week 3 Day 1, 2, 3	Week 3 Day 4, 5, 6
Week 2	Week 4 Day 1	Week 4 Day 2	Week 4 Day 3	Week 4 Day 4	Week 4 Day 5	Week 4 Day 6 ACTUAL TEST

Day 3

MỆNH ĐỂ DANH NGỮ VÀ MỆNH ĐỂ TRẠNG NGỮ

Mệnh để danh ngữ là mệnh để đóng vai trò như một danh từ và thực hiện các chức năng của danh từ thông thường. Mệnh để này luôn phải đi cùng với mệnh để chính, không thể tách rời hoặc đứng độc lập.

► **That she didn't understand our opinion leads to a lot of trouble.**

Mệnh để trạng ngữ là mệnh để được dùng với chức năng như một trạng ngữ, nhằm bổ nghĩa cho mệnh để chính. Nó được gọi là mệnh để phụ trong câu và không thể đứng độc lập, đồng thời được liên kết với mệnh để chính bằng liên từ nào đó.

► **As soon as / Just as she came back Vietnam, she went to office.**

1

Cách dùng mệnh để danh ngữ

Tương tự như danh từ, mệnh để danh ngữ có thể đóng vai trò chủ ngữ, bổ ngữ, tân ngữ, tân ngữ sau giới từ và mệnh để tương đương trong câu.

■ Mệnh để danh ngữ = [Liên từ của mệnh để danh ngữ + (chủ ngữ) + động từ]

cái mà, điều mà	what
rằng	that
liệu rằng	whether, if
người mà	who
khi mà	when
nơi mà	where
vì sao mà	why
làm cách nào mà	how

Các cụm từ

những điều đã diễn ra hôm qua
rằng chúng ta phải tuân thủ các quy định
liệu bạn từng nghe nói về điều đó bao giờ chưa

người đã làm vỡ cửa sổ
tại sao việc tái chế là cần thiết
cách thức cỗ máy hoạt động
thời điểm bộ phim bắt đầu
sự thật rằng anh ấy đã vượt qua kỳ thi

what happened yesterday
that we have to follow the rules
whether you have ever heard of it before (or not)
who broke the window
why recycling is necessary
how the machine works
when the movie starts
the fact that he passed the exam

📌 Sử dụng các cụm từ để viết câu

- Những điều đã diễn ra hôm qua rất có ý nghĩa đối với tôi.
What happened yesterday meant a lot to me. [đóng vai trò chủ ngữ]
- Điều quan trọng là chúng ta phải tuân thủ các quy định.
The important thing is that we have to follow the rules. [đóng vai trò bổ ngữ]
- Tôi thắc mắc liệu bạn từng nghe nói về điều đó bao giờ chưa.
I wonder whether you have ever heard of it before. [đóng vai trò tân ngữ]
- Tôi không biết ai đã làm vỡ cửa sổ.
I do not know who broke the window. [đóng vai trò tân ngữ]
- Các nghiên cứu gần đây giải thích tại sao việc tái chế là cần thiết.
Recent studies explain why recycling is necessary. [đóng vai trò tân ngữ]
- Hãy cho tôi biết cách thức cỗ máy hoạt động.
Tell me how the machine works. [đóng vai trò tân ngữ]
- Nó phụ thuộc vào thời điểm bộ phim bắt đầu.
It depends on when the movie starts. [đóng vai trò tân ngữ sau giới từ]
- Sự thật rằng anh ta đã vượt qua kỳ thi thật quá bất ngờ.
The fact that he passed the exam is surprising. [mệnh đề tương đương]
The fact và mệnh đề sau that có mối quan hệ tương đương.

📌 TIP

What và who

Nếu what (cái mà, điều mà) và who (người mà) đóng vai trò chủ ngữ trong câu thì ngay sau chúng sẽ là động từ.

điều khiến bạn hạnh phúc

what makes you happy

người khiến bạn hạnh phúc

who makes you happy

📌 TIP

What và that

What và that đều có nghĩa là "cái mà, thứ mà". Tuy nhiên, sau what là một câu không hoàn chỉnh (có thể khuyết một trong các thành phần: chủ ngữ, tân ngữ hoặc bổ ngữ). Còn That chỉ đóng vai trò liên từ nên sau nó phải là một vế hoàn chỉnh.

What happened yesterday meant a lot to me.

động từ trạng từ → [động từ + trạng từ] không tạo thành câu hoàn chỉnh.

The important thing is that we have to follow the rules.

chủ ngữ động từ tân ngữ

→ [chủ ngữ + động từ + tân ngữ] tạo thành câu hoàn chỉnh

2

Mệnh đề trạng ngữ diễn đạt ý "khi/nếu/mặc dù làm gì"

Mệnh đề trạng ngữ đóng vai trò trạng từ trong câu.

■ Mệnh đề trạng ngữ = [tên từ của mệnh đề trạng ngữ + chủ ngữ + động từ]

bởi vì, vì

khi, lúc

mặc dù, cho dù

trong khi, khi mà (so sánh)

nếu, trong trường hợp, giả dụ rằng
đó

quả... để làm gì

miễn là

because, since, as, now that

when, as, while

although, though

while, whereas

if, in case, granting that

so that, in order that

so + tính từ/trạng từ + that, such +
danh từ + that

as long as, as far as

■ Vị trí của mệnh đề trạng ngữ

1) Chủ ngữ + động từ + mệnh đề trạng ngữ

I like her **because she is smart.**

2) Mệnh đề trạng ngữ + dấu phẩy (,) + chủ ngữ + động từ

Because she is smart, I like her.

Các cụm từ

lúc bạn đang đọc sách

when you are reading a book

nếu bạn sống một mình

if you live alone

trong khi công việc có thể đầy căng thẳng

while work can be stressful

to tiếng đến mức ai cũng nghe thấy giọng bạn

so loud that everyone can hear you

Sử dụng các cụm từ để viết thành câu

1. Trông bạn thật hạnh phúc lúc đang đọc sách.

You look happy **when you are reading a book.**

2. Nếu sống một mình, bạn sẽ trở nên có trách nhiệm.

If you live alone, you become responsible.

3. Thời gian bên gia đình thật vui vẻ và thư giãn, trong khi công việc có thể đầy căng thẳng.

Family time is fun and relaxing, **while work can be stressful.**

4. Giọng của bạn lớn đến mức ai cũng nghe thấy.

Your voice is **so loud that everyone can hear you.**

TIP

Sử dụng mệnh đề trạng ngữ và dấu phẩy

Nếu mệnh đề trạng ngữ đứng đầu câu, ta phải đặt dấu phẩy giữa hai mệnh đề. Nếu mệnh đề chính đứng đầu câu thì không cần sử dụng dấu phẩy. Tuy nhiên, khi dùng **while** và **whereas** với nghĩa "trong khi, khi mà", ta vẫn đặt dấu phẩy giữa hai mệnh đề kể cả khi mệnh đề trạng ngữ đứng sau mệnh đề chính.

John béo mập trong khi bố cậu ấy lại gầy.

John is fat, **whereas** his father is skinny.

Jump-up Skills

Ôn tập phần ngữ pháp dưới đây và ứng dụng vào bài IELTS Writing.

1. Phân biệt *whether* và *if*

- ① Mệnh đề trạng ngữ chứa **whether** có thể đóng vai trò làm chủ ngữ, tân ngữ và bổ ngữ của mệnh đề chính.

[Dù cô ấy có đến hay không] cũng không quan trọng.

[Whether she comes or not] does not matter. (chủ ngữ)

Tôi vẫn thắc mắc [liệu anh ấy có đang thành thật không].

I still question **[whether he is being honest].** (tân ngữ)

Điều quan trọng là [liệu cô ấy có đến hay không].

The important thing is **[whether she will come or not].** (bổ ngữ)

- ② **Whether** có thể kết hợp với to-V, còn **if** chỉ kết hợp được với mệnh đề danh ngữ làm tân ngữ trong câu.

Họ không quyết định được nên đi hay ở.

They cannot decide **whether to leave or stay.**

Tôi tự hỏi liệu cô ấy có đến không.

I wonder **if she will come.**

2. Phân biệt *if* và *in case*

- ① **If** chỉ dùng với nghĩa "chỉ trong trường hợp điều đó xảy ra".

Nếu họ đến, chúng tôi sẽ bố trí một bàn khác.

If they come, we will set up another table.

- ② **In case** được dùng với ý nghĩa "để đề phòng trường hợp điều đó xảy ra".

Ví vậy, sau **in case** là một tình huống có thể xảy ra trong tương lai.

Hãy bố trí một bàn khác để phòng trường hợp họ đến...

Let's set up another table **in case they come.**

3. Phân biệt *as* và *because*

- ① Ta dùng **as** trong trường hợp chủ thể đã biết trước nguyên nhân, hoặc trong hoàn cảnh đó nguyên nhân ấy không quá quan trọng.

Vì trời lại mưa, chúng ta nên ở nhà.

As it is raining again, we had better stay at home.

- ② Ta dùng **because** trong trường hợp muốn cung cấp thêm thông tin mới, hoặc trong hoàn cảnh đó, nguyên nhân/lý do ấy rất quan trọng.

Vì bị ốm nên tôi không đi làm.

Because I was sick, I did not go to work.

4. Sử dụng cấu trúc "**be + tính từ cảm xúc + (that) + mệnh đề**"

Những tính từ cảm xúc như **touched, sorry, pleased, glad, sure, afraid, amazed** có thể kết hợp với mệnh đề **that**. Trong trường hợp này, ta có thể lược bỏ **that**.

Tôi cảm động trước việc mọi người đã cố gắng khích lệ tôi.

I was touched **(that) everybody tried to cheer me up.**

DAILY CHECK-UP



Dịch cụm từ màu xanh sang tiếng Anh.

- 01 Cô ấy không thể chấp nhận sự thật rằng thiết kế của mình đã bị loại.

She could not accept _____
+ từ chối, loại = reject

- 02 Họ đã chỉ ra rằng uống quá nhiều cà phê không tốt cho sức khỏe.

They pointed out _____
+ không tốt cho sức khỏe = unhealthy

- 03 Anh ấy không biết lâu có bưu điện nào gần đó không.

He did not know _____

- 04 Tôi viết về những điều đã trải nghiệm trong chuyến đi.

I wrote about _____
+ trong chuyến đi = on the trip

- 05 Cô ấy rất vui vì đạt điểm cao.

She was pleased _____
+ đạt điểm cao = receive a good grade

- 06 Khi chuông báo cháy vang lên, mọi người phải ra khỏi tòa nhà.

_____, everyone must exit the building.
+ chuông báo cháy = fire alarm + vang lên = ring

- 07 Tôi tự hỏi Terry đã đi đâu.

I wonder _____

- 08 Thật khó mà giải thích được vì sao tôi lại thích những ngày mưa.

It is hard to explain _____
+ những ngày mưa = rainy days



- 09 Hãy cho tôi biết tai nạn đã xảy ra như thế nào.

Tell me _____
 = tai nạn = accident

- 10 Anh ấy đã ghé qua khi bạn đang học trong lớp.

He stopped by _____
 = (ô) trong lớp = be in class

- 11 Nếu không hoàn thành dự án, bạn sẽ không qua được môn học này.

_____, you will not pass the course.

- 12 Vì phải nghiên cứu thêm nên chúng ta cần đến thư viện.

_____, we should go to the library.
 = nghiên cứu = research

- 13 Cô ấy ăn chay để được khỏe mạnh hơn.

She became a vegetarian _____.

- 14 Dù đang sống ở New York nhưng tôi lớn lên ở California.

_____, I grew up in California.

- 15 Bạn có thể giữ những cuốn sách đó nếu cần.

You may keep the books _____.

WACRETS IELTS WRITING BASIC

Week 3

Trong Week 3, người học sẽ tìm hiểu về các cách diễn đạt thể hiện quan điểm cá nhân theo chủ đề thường xuất hiện trong bài thi IELTS Writing Task 2.

LUYỆN VIẾT THEO CHỦ ĐỀ

INTRO

- Day 1 Chủ đề giáo dục
- Day 2 Chủ đề chính sách & pháp luật
- Day 3 Chủ đề gia đình & sức khỏe
- Day 4 Chủ đề nghề nghiệp & xã hội
- Day 5 Chủ đề thiên nhiên, môi trường & khoa học kỹ thuật
- Day 6 Chủ đề du lịch & thể giới

Chủ đề được liệt

- 7. Liên từ
- 8. Định từ
- 9. Mạo từ
- 10. Giới từ
- 11. Tính từ và trạng từ
- 12. Thủ từ cấp xếp các thành phần trong câu (sử dụng chủ)

INTRO

1. Các cách diễn đạt thể hiện quan điểm cá nhân theo từng chủ đề

Bất kỳ ai cũng từng bị “bí” khi nói hoặc viết tiếng Anh do không tìm được cách diễn đạt phù hợp. Cũng có lúc ta tưởng rằng mình có thể dễ dàng diễn đạt quan điểm cá nhân, nhưng lại không thể nói ra khi phải trình bày. Trong những tình huống như vậy, nếu nắm được các cách diễn đạt ý kiến của bản thân theo từng chủ đề nhất định, thí sinh sẽ nhanh chóng viết ra ý tưởng trong khoảng thời gian cho phép.

Hãy cùng xem xét một ví dụ cụ thể là cụm từ về chủ đề giáo dục để diễn đạt ý “ôn thi vội vàng/học dồn”.

study hastily

Cách diễn đạt mà ta thường nghĩ đến là dịch theo nghĩa của từng từ (study hastily). Tuy nhiên, khi được kết hợp với nhau, hai từ **study** và **hastily** sẽ khiến bài viết thiếu tự nhiên.

cram for an exam

Trái lại, cụm từ **cram for an exam** lại là lựa chọn tuyệt vời trong hoàn cảnh này, nó giúp bạn thể hiện chính xác quan điểm của mình.

Ở Week 3, người học sẽ học các cách diễn đạt ý theo chủ đề và áp dụng chúng để viết câu cụ thể.

2. Ứng dụng các cách diễn đạt theo chủ đề

Hãy cùng tìm hiểu xem các cách diễn đạt ý kiến theo từng chủ đề ở Week 3 sẽ được áp dụng vào bài thi IELTS Writing như thế nào.

Question

Some educators believe that project-based learning is a superior teaching style. Therefore, they think that more classes should be taught by using this system.

To what extent do you agree or disagree with this statement?

Một số nhà giáo dục tin rằng học theo dự án là hình thức giảng dạy ưu việt. Do đó, họ cho rằng nên có thêm các tiết học được dạy bằng phương pháp này.

Bạn đồng ý hay phản đối với ý kiến này đến mức độ nào?

BÀI MẪU

It is a common belief that the most effective form of teaching is direct instruction. However, I firmly believe that project-based learning is a more valuable teaching style because it **promotes creativity**.

Người ta thường tin rằng hình thức dạy học hiệu quả nhất là hướng dẫn trực tiếp. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng học theo dự án là phương pháp giảng dạy hữu ích hơn vì nó **thúc đẩy sự sáng tạo**.

To begin with, project-based education boosts students' ability to think creatively. By **sharing ideas** with their peers in **group assignments**, students can find new ways to reach a goal. For instance, when working on a physics problem, students can **gain knowledge** by discussing the problem and coming up with an imaginative solution together.

Trước hết, học theo dự án thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo của học sinh. Bằng cách **chia sẻ ý tưởng** với bạn học trong các **bài tập nhóm**, học sinh có thể tìm ra những cách mới để đạt được mục tiêu. Ví dụ, khi giải một bài tập vật lý, học sinh có thể **thu thập kiến thức** bằng cách thảo luận về bài tập đó và cùng nhau đưa ra cách giải đầy sáng tạo.

To sum up, project-based learning makes students more creative. For this reason, I think we should increase the use of project-based learning.

Tóm lại, học theo dự án giúp học sinh sáng tạo hơn. Vì lý do này, tôi tin rằng chúng ta nên tăng cường áp dụng phương pháp này.

Trong ví dụ trên, người viết đã sử dụng các cụm từ **promote creativity**, **share ideas**, **group assignments**, **gain knowledge** để phát triển ý của bài viết về chủ đề giáo dục. Tương tự, nếu nắm chắc cách diễn đạt theo từng chủ đề thì khi gặp bất cứ đề tài nào, người viết cũng có thể thể hiện chính xác quan điểm cá nhân và khiến nội dung bài viết trở nên phong phú hơn.

Week 3 sẽ giúp người học luyện tập cách diễn đạt các chủ đề dưới đây một cách hiệu quả:

Day 1	Chủ đề giáo dục
Day 2	Chủ đề chính sách & pháp luật
Day 3	Chủ đề gia đình & sức khỏe
Day 4	Chủ đề nghề nghiệp & xã hội
Day 5	Chủ đề thiên nhiên, môi trường & khoa học kĩ thuật
Day 6	Chủ đề du lịch & thể giới

Day 1

CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC

Giả sử đề bài yêu cầu người viết thể hiện quan điểm đồng ý hay phản đối ý kiến cho rằng "việc tham gia hoạt động ngoại khóa sẽ đem lại lợi ích cho học sinh". Để diễn đạt câu "Tham gia hoạt động ngoại khóa là cách hay để có thêm bạn mới", ta sử dụng cụm **extracurricular activities** để viết thành câu hoàn chỉnh là "Participating in extracurricular activities is a good way to make new friends". Các câu hỏi liên quan đến chủ đề giáo dục như giáo viên-học sinh, chương trình giảng dạy, chính sách giáo dục... thường xuất hiện ở Task 2, vì vậy sẽ rất hữu ích khi các bạn luyện tập các cách diễn đạt liên quan đến chủ đề này.

① hoạt động ngoại khóa

extracurricular activities

Học sinh nên được tự do lựa chọn hoạt động ngoại khóa cho bản thân.

Students should be free to select their own **extracurricular activities**.

② quá trình học tập

learning process

Quá trình học tập với mỗi học sinh lại mỗi khác.

The **learning process** is different for every student.

③ lập quy định

establish a rule

Nhiều trường đã phải lập quy định về việc sử dụng thiết bị di động trong lớp.

Many schools had to **establish a rule** regarding the use of mobile devices in class.

→ về (việc gì) = regarding

④ nhóm bạn cùng trang lứa

peer group

Thanh thiếu niên phần lớn chịu ảnh hưởng bởi nhóm bạn cùng trang lứa.

Teenagers are largely influenced by their **peer group**.

5 học nghề

vocational education

Ngày càng có nhiều người trẻ theo học nghề để trau dồi kỹ năng thực tế.

More young people are pursuing a **vocational education** to gain practical skills.

+ theo đuổi = pursue + thực tế = practical

6 chương trình học

academic programs

Khi tham gia các chương trình học ở nước ngoài, sinh viên có thể phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

When students take part in **academic programs** abroad, they can develop their language skills.

+ tham gia = take part in

7 nền giáo dục toàn diện

well-rounded education

Nền giáo dục toàn diện giúp học sinh tự tin và sáng tạo hơn.

A **well-rounded education** teaches students to be more confident and creative.

8 đạt điểm cao

get good grades

Áp lực phải đạt điểm cao có thể trở thành gánh nặng đối với một số học sinh.

The pressure to **get good grades** can be overwhelming for some students.

+ áp lực = pressure + trở thành gánh nặng, quá sức = overwhelming

9 bị điểm kém

get poor marks

Một số học sinh vẫn bị điểm kém mặc dù rất thông minh.

Some students **get poor marks** despite being highly intelligent.

10 đi du học

study abroad

Ngày càng có nhiều học sinh đi du học để mở mang đầu óc.

More and more students are **studying abroad** to broaden their minds.

11 học hỏi được những kỹ năng quý báu

learn valuable skills

Mọi người có thể học hỏi được những kỹ năng quý báu dù có làm nghề gì đi chăng nữa.

People can **learn valuable skills** no matter what their job is.

13 xây dựng tinh thần đồng đội

build teamwork

Tích hợp các dự án nhóm vào lớp học giúp xây dựng tinh thần đồng đội.

Incorporating group projects in the classroom **builds teamwork**.

• tích hợp = incorporate

14 hoàn thành đúng hạn

meet a deadline

Học sinh không hoàn thành đúng hạn sẽ không được điểm cao.

A student who cannot **meet a deadline** will not receive a good grade.

15 chia sẻ ý tưởng

share ideas

Bằng cách chia sẻ ý tưởng, học sinh có thể tìm ra những cách mới để đạt được mục tiêu.

By **sharing ideas**, students can find new ways to meet a goal.

16 sự phát triển nhân cách

personality development

Môi trường gia đình có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển nhân cách của trẻ.

The home environment of children has a significant impact on their **personality development**.

17 ngoài khuôn viên trường

off campus

Sinh viên sống ngoài khuôn viên trường có thể sẽ tốn nhiều chi phí hơn ở trong ký túc xá.

Living **off campus** can cost students much more than staying in dormitories.

• ký túc xá = dormitory

18 lấy bằng/có bằng cấp

earn a degree

Lấy bằng đại học trực tuyến là một phương án hiệu quả về mặt chi phí.

Earning a degree through an online college is a cost-effective option.

• hiệu quả về mặt chi phí = cost-effective

19 tiềm năng

potential

Tiềm năng của một cá nhân không thể đo lường bằng điểm số.

A person's **potential** cannot be measured through their grades.

18 bài tập nhóm

group assignment

Bài tập nhóm dạy học sinh cách làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu.

Group assignments teach students how to work together to achieve a goal.

19 học phí

tuition fees

Tăng học phí sẽ khiến nhiều người bỏ học đại học.

The increase in **tuition fees** will result in many people giving up on going to university.

+ bỏ (cái gì) = give up on -

20 bắt buộc phải có mặt/bắt buộc phải đến trường

compulsory attendance

Đối với giáo dục tiểu học, việc đến trường phải là bắt buộc.

There should be **compulsory attendance** for primary education.

+ giáo dục tiểu học = primary education

21 xây dựng hình ảnh tích cực về bản thân

develop a positive self-image

Thúc đẩy sự tự tin giúp thanh thiếu niên xây dựng hình ảnh tích cực về bản thân.

Promoting confidence helps teenagers **develop a positive self-image**.

22 thúc đẩy sự sáng tạo

promote creativity

Học theo dự án là hình thức giảng dạy có giá trị hơn vì nó thúc đẩy sự sáng tạo.

Project-based learning is a more valuable teaching style because it **promotes creativity**.

23 thu thập kiến thức

gain knowledge

Đi du lịch là một trong những cách tốt nhất để thu thập kiến thức về các nền văn hóa khác.

Traveling is one of the best ways to **gain knowledge** about other cultures.

DAILY CHECK-UP



Dịch cụm từ màu xanh sang tiếng Anh.

- 01 Trở thành một phần trong **nhóm bạn cùng trang lứa** rất quan trọng đối với sự tự tin của thanh thiếu niên.

Being part of a _____ is important for a teenager's confidence.

- 02 Những đứa trẻ không ngủ đủ giấc thường có xu hướng **bị điểm kém**.

Children who do not get enough sleep tend to _____.

* có xu hướng = tend to + V

- 03 Quy định **bắt buộc phải đến trường** không phải lúc nào cũng khiến thành tích học tập của học sinh tốt hơn.

_____ policies do not always result in better student performance.

* quy định = policy * thành tích học tập = student performance

- 04 Một số sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc đi **du học** do vấn đề tài chính.

It can be financially difficult for some students to _____.

* về mặt tài chính = financially

- 05 Nghiên cứu cho thấy việc **phát triển nhân cách** có thể kéo dài đến tuổi trưởng thành.

Research shows that _____ can continue into adulthood.

* tuổi trưởng thành = adulthood

- 06 Hầu hết các sinh viên năm cuối đều thích sống **ngoài khuôn viên trường**.

Most college seniors prefer to live _____.

- 07 Một số nhà phê bình cho rằng **việc có được tấm bằng** không còn đáng với chi phí bỏ ra nữa.

Some critics argue that _____ is not worth the expense anymore.

* nhà phê bình = critic * đáng = worth

- 08 Những người làm việc chăm chỉ thường có nhiều **liềm năng** hơn những người đơn giản chỉ là thông minh.

People who are hard-working have more _____ than those who are simply smart.

* chăm chỉ = hard-working * đơn giản chỉ = simply



- 09 Tham gia làm **bài tập nhóm** dạy học sinh về sự hợp tác và thỏa hiệp.

Taking part in a _____ teaches students collaboration and compromise.

+ sự hợp tác = collaboration + sự thỏa hiệp = compromise

- 10 Học phí của sinh viên quốc tế cao hơn học phí của sinh viên trong nước.

_____ for international students are higher than those for domestic students.

+ trong nước = domestic

- 11 Việc **học nghề** sẽ cung cấp hoạt động đào tạo cho từng nghề cụ thể.

A _____ offers training for a specific career.

+ cụ thể = specific + nghề nghiệp = career

- 12 Khen ngợi giúp trẻ nhỏ **xây dựng hình ảnh tích cực về bản thân**.

Complimenting young children helps them to _____.

+ khen ngợi = compliment

- 13 Giáo viên phải luôn **thúc đẩy sự sáng tạo** của học sinh.

Teachers should always _____ in their students.

- 14 Việc lên lịch trình có thể giúp các sinh viên có đầu óc tổ chức kém **hoàn thành bài đúng hạn**.

Making a schedule can help unorganized students _____.

+ vô tổ chức, đầu óc tổ chức kém = unorganized

- 15 **Chia sẻ ý tưởng** là một trong những lợi ích chính của việc học nhóm.

_____ is one of the main benefits of studying in groups.

WACRETS IELTS WRITING BASIC

Week 4

Week 4 tập trung vào việc luyện viết bài luận IELTS Writing dựa trên những kiến thức đã học được ở các tuần trước. Việc luyện viết bài luận Task 1 và Task 2 theo các bước sẽ giúp người học nắm được quy trình viết bài khi tham dự kỳ thi thực tế.

CHUẨN BỊ CHO BÀI THI THỰC TẾ

INTRO

- Day 1 Lập dàn bài Task 2
- Day 2 Viết bài Task 2 (1): Viết câu chủ đề
- Day 3 Viết bài Task 2 (2): Hoàn thành đoạn văn
- Day 4 Ghi chú những phân tích chính trong Task 1
- Day 5 Viết bài Task 1 (1): Viết câu chủ đề
- Day 6 Viết bài Task 1 (2): Hoàn thành đoạn văn

INTRO

Giới thiệu về cấu trúc và các chủ đề của bài thi IELTS Writing

Bài thi IELTS Writing kéo dài 60 phút, gồm 2 câu hỏi Task 1 và Task 2. Task 1 yêu cầu thí sinh phân tích bảng biểu hoặc bản đồ, sau đó viết báo cáo tóm tắt. Task 2 yêu cầu thí sinh viết bài luận để bàn về một vấn đề hoặc trình bày quan điểm cá nhân về một chủ đề cho sẵn.

TASK 1

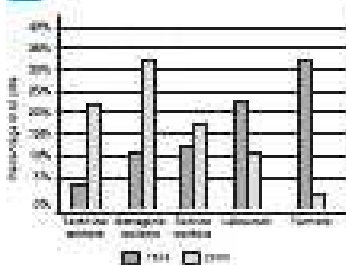
Task 1 yêu cầu thí sinh phân tích bảng biểu hoặc sơ đồ theo chủ đề cho sẵn, sau đó viết báo cáo tóm tắt dài ít nhất 150 từ. Để hoàn thành tốt Task 1, thí sinh cần có kỹ năng phân tích dữ liệu và kỹ năng sắp xếp nội dung bài viết hợp lý.

Giới thiệu các dạng bài

Task 1 có 6 dạng bài chính. Phần lớn các câu hỏi của Task 1 sử dụng một loại bảng biểu hoặc sơ đồ; tuy nhiên, cũng có câu hỏi sử dụng kết hợp hai hay nhiều loại bảng biểu, sơ đồ khác nhau.

Biểu đồ cột (Bar Graph)

1. New York Data Worksheet 1994 & 2000



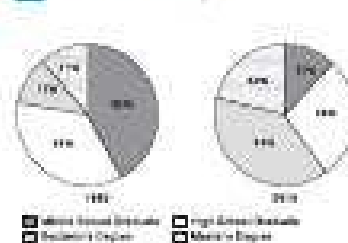
Biểu đồ đường (Line Graph)

2. Countries Around the World's Energy Production



Biểu đồ tròn (Pie Chart)

3. Cost of education completed



Bảng (Table)

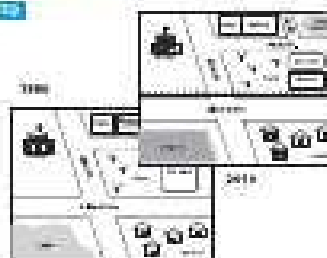
4. Annual passenger traffic for four major international airports, 2000-2010

(in millions)

Airport	2000	2005	2010	2015
Algarve	28.2	32.4	41.0	55.4
Hong Kong	68.4	63.2	64.2	76.3
Detroit	45.5	50.4	55.4	65.8
Toronto	39.3	26.3	31.0	41.0

Bản đồ (Map)

5.



Sơ đồ (Diagram)

6. Whisky Production Process



Chiến lược hoàn thành Task 1

Step 1

Phân tích dữ liệu và ghi chú lại chủ đề, mô tả chung và các đặc điểm nổi bật theo đúng cấu trúc của bài báo cáo.

Step 2

Dựa vào bản ghi chú để viết bài báo cáo

Dựa vào những ghi chú đã thực hiện ở Step 1 để viết câu chủ đề tóm tắt về dữ liệu và câu chủ đề cho từng đoạn nhằm giới thiệu phần mô tả chung cùng các đặc điểm nổi bật. Tiếp theo, viết thêm các nội dung chi tiết để hoàn thành bài viết.

Step 3

Kiểm tra bài viết và chỉnh sửa

Kiểm tra bài báo cáo vừa viết. Không nên quá tập trung vào nội dung bài viết mà cần chú ý tới ngữ pháp, chính tả, cấu trúc câu để soát lỗi sai.

TASK 2

Task 2 yêu cầu thí sinh viết bài luận dài ít nhất 250 từ để bàn về một vấn đề hoặc trình bày quan điểm cá nhân về một chủ đề cho sẵn. Để hoàn thành tốt Task 2, thí sinh cần các kỹ năng trình bày ý tưởng phù hợp và đưa ra bằng chứng cụ thể, hợp lý.

Giới thiệu các dạng bài

Task 2 được chia thành 5 dạng bài chính dưới đây.

Đồng tình & phản đối (Agree/Disagree)	Dạng bài yêu cầu trình bày quan điểm cá nhân tán thành hay phản đối một chủ đề ở một mức độ nhất định. ❏ To what extent do you agree or disagree? Bạn đồng ý hay phản đối đến mức độ nào?
Bàn luận hai quan điểm (Both Views)	Dạng bài yêu cầu thảo luận cả hai quan điểm về một chủ đề và đưa ra quan điểm cá nhân. ❏ Discuss both these views and give your own opinion. Hãy bàn luận về hai quan điểm trên và trình bày quan điểm của riêng bạn.
Ưu nhược điểm (Advantage & Disadvantage)	Dạng bài yêu cầu thảo luận hoặc so sánh ưu điểm và nhược điểm của một sự việc, sau đó đưa ra quan điểm cá nhân. ❏ Do the advantages of this outweigh the disadvantages? Ưu điểm của điều này có vượt trội hơn so với nhược điểm hay không?
Phân tích nguyên nhân/ vấn đề và đưa ra giải pháp (Cause/Problem & Solution)	Dạng bài yêu cầu phân tích nguyên nhân/vấn đề và đưa ra giải pháp cho vấn đề đó. ❏ What do you think are the causes of this? How can we tackle this issue? Bạn nghĩ đâu là nguyên nhân gây ra điều này? Làm thế nào để chúng ta có thể giải quyết vấn đề này?
Câu hỏi hai phần (Two-part Question)	Dạng bài nêu ra hai câu hỏi về một vấn đề và yêu cầu trả lời hai câu hỏi đó. ❏ Why do you think this is happening? Is this a positive or negative development? Bạn nghĩ tại sao điều này lại xảy ra? Đây là sự phát triển tích cực hay tiêu cực?

Chiến lược hoàn thành Task 2

Step 1

Lập dàn bài

Lập dàn bài theo yêu cầu của đề bài. Trong dàn bài đó, quan điểm cá nhân và các nội dung cụ thể được sắp xếp theo đúng cấu trúc bài luận.

Step 2

Dựa vào dàn bài để hoàn thành bài luận

Dựa vào dàn bài đã lập ở Step 1 để viết bài luận gồm 4 phần (mở bài, thân bài 1, thân bài 2, kết bài). Thí sinh cần viết câu chủ đề thể hiện được quan điểm cá nhân, sau đó thêm các chi tiết cụ thể để giải thích cho quan điểm đó ở phần thân bài.

Step 3

Kiểm tra bài viết và chỉnh sửa

Kiểm tra bài luận vừa viết. Đừng quá tập trung vào nội dung bài viết mà cần chú ý tới ngữ pháp, chính tả, cấu trúc câu để soát lỗi sai.

* Task 1 và Task 2 của bài thi IELTS Writing sẽ được phát cùng lúc và không có khoảng thời gian nghỉ giữa hai bài. Thí sinh nên hoàn thành bài luận Task 2 trước rồi quay lại làm bài tập của Task 1, vì Task 2 chiếm nhiều điểm hơn. Cuốn sách này hướng dẫn người học luyện tập theo đúng trình tự như vậy: Task 2 → Task 1.

Day 1

LẬP DÀN BÀI TASK 2

Task 2 yêu cầu thí sinh viết bài luận để trình bày quan điểm cá nhân về một chủ đề cho trước. Day 1 tập trung vào việc luyện tập cách lập dàn bài theo đúng cấu trúc bài luận. Việc lập dàn bài theo đúng cấu trúc bài luận sẽ giúp người viết biết cách tổ chức và sắp xếp ý tưởng một cách hợp lý để quá trình viết bài dễ dàng hơn.

1

1 Tìm hiểu yêu cầu đề bài

Để viết tốt bài luận, trước hết thí sinh cần nắm rõ chủ đề và yêu cầu của câu hỏi.

1. Xác định chủ đề của câu hỏi, việc này cho phép thí sinh có thể viết câu trả lời theo đúng chủ đề.
2. Đọc yêu cầu của đề bài để xác định dạng bài.

Ví dụ về tìm hiểu yêu cầu đề bài

Students should be encouraged to take part in exchange programmes in today's globalised world.

To what extent do you agree or disagree with this opinion?

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, sinh viên nên được khuyến khích tham gia các chương trình trao đổi.

Bạn đồng ý hay phản đối với ý kiến này đến mức độ nào?

Chủ đề của câu hỏi

Khuyến khích sinh viên tham gia các chương trình trao đổi.

Yêu cầu của đề bài

Dạng bài yêu cầu trình bày quan điểm cá nhân tán thành hoặc phản đối (Agree/Disagree) ý kiến ở một mức độ nhất định.

TIP

Khi tìm hiểu yêu cầu của đề bài, thí sinh nên gạch chân hoặc đánh dấu từ khóa thể hiện chủ đề và yêu cầu của câu hỏi để tránh viết các nội dung không liên quan, đồng thời tránh bỏ sót các chi tiết cần thiết.

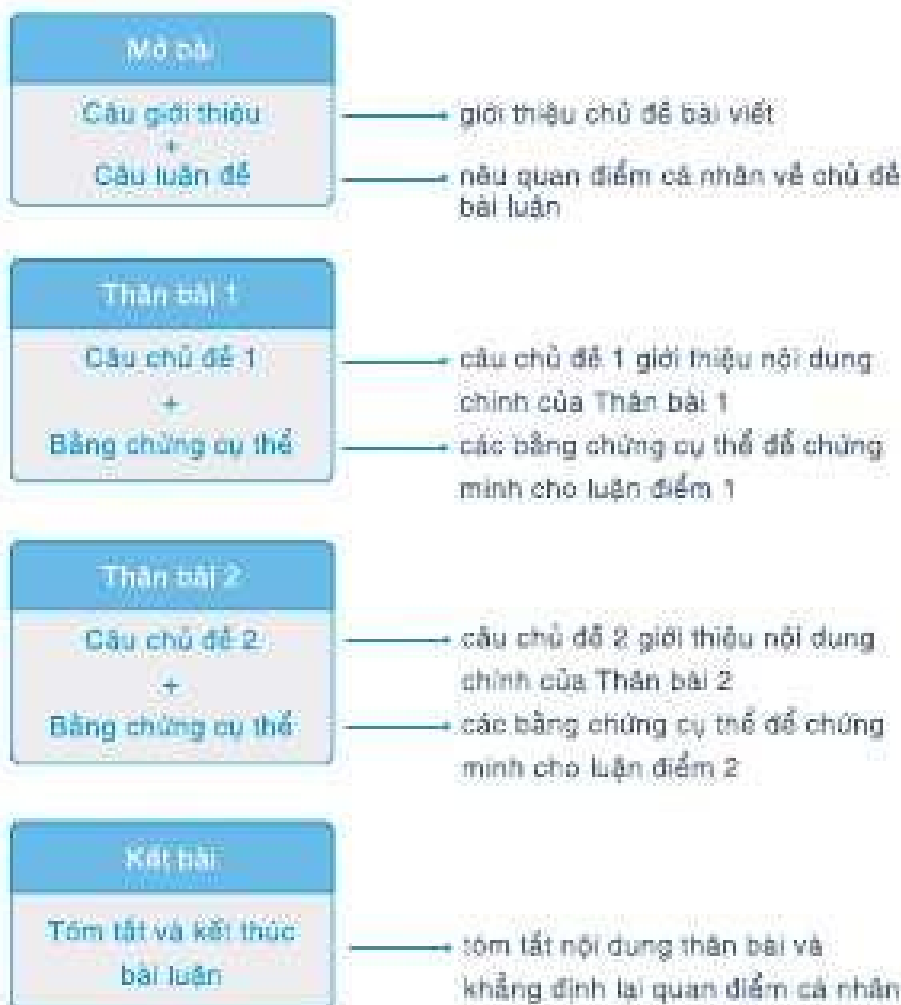
2

Cấu trúc dàn bài

Dàn bài là bản tóm tắt ngắn gọn bài viết theo đúng cấu trúc, do đó đây chính là khung để người viết có thể dựa vào và hoàn thành bài luận.

Một bài luận hợp lý được viết theo cấu trúc mở bài - thân bài - kết bài. Mở bài là phần giới thiệu chủ đề của bài luận, đồng thời thể hiện quan điểm cá nhân của người viết về chủ đề đó. Thân bài gồm hai đoạn, mỗi đoạn sẽ bàn luận một ý kiến có liên quan đã được giới thiệu ở phần mở bài. Tất cả các giải thích, thông tin chi tiết, dẫn chứng và ví dụ cụ thể đều được đưa vào phần thân bài. Kết bài là phần tóm tắt nội dung của thân bài và khẳng định lại quan điểm cá nhân.

Nắm rõ cấu trúc dàn bài và viết bài luận dựa theo đó sẽ giúp người viết dễ dàng hoàn thành Task 2.



3

Lập dàn bài

Sắp xếp nội dung bài viết một cách ngắn gọn theo đúng cấu trúc dàn bài. Phần mở bài nêu quan điểm cá nhân về chủ đề được đưa ra. Phần thân bài ghi chú ngắn gọn nội dung chính và liệt kê các bằng chứng cụ thể. Kết bài được viết dựa trên mở bài và thân bài nên không cần đưa vào dàn bài. Sắp xếp hợp lý dàn bài như vậy sẽ giúp người viết dễ dàng hoàn thành bài luận.

1. Xác định quan điểm cá nhân

Xác định quan điểm cá nhân về chủ đề được đưa ra. Quan điểm cá nhân là nội dung quan trọng vì nó sẽ định hướng cho toàn bộ bài viết, vì vậy thí sinh cần giới thiệu quan điểm cá nhân ở ngay phần mở bài.

2. Sắp xếp nội dung chính trong phần thân bài

Dựa vào quan điểm cá nhân để sắp xếp nội dung chính cho từng đoạn thân bài. Tùy thuộc vào yêu cầu của đề bài, ta có thể viết từng đoạn của thân bài như sau:

- ① Đề bài yêu cầu nêu quan điểm đồng tình hay phản đối với ý kiến cho sẵn

Thân bài 1	Lý do 1
Thân bài 2	Lý do 2

- ② Đề bài yêu cầu bàn luận về hai quan điểm trái ngược, hoặc nêu ưu nhược điểm về cùng một vấn đề

Thân bài 1	Quan điểm trái với ý kiến cá nhân
Thân bài 2	Quan điểm cá nhân

- ③ Đề bài yêu cầu phân tích nguyên nhân/vấn đề và đưa ra giải pháp

Thân bài 1	Nguyên nhân hoặc vấn đề
Thân bài 2	Giải pháp

3. Thêm các bằng chứng cụ thể

Thí sinh cần thêm các bằng chứng cụ thể để chứng minh cho chủ đề chính của từng đoạn thân bài. Việc thêm phần giải thích và ví dụ sẽ giúp phát triển đầy đủ nội dung bài luận.

TIP 1

Khi trình bày quan điểm cá nhân, thí sinh nên lựa chọn quan điểm có nhiều ý để phát triển hoặc dễ thuyết phục hơn, ngay cả nếu đó không phải là quan điểm thực sự của bản thân.

TIP 2

Nếu đề bài đưa ra hai câu hỏi, hãy sắp xếp bố cục thân bài sao cho mỗi đoạn trả lời một câu hỏi. Khi ấy, đoạn thân bài 1 và đoạn thân bài 2 nên được sắp xếp theo đúng thứ tự câu hỏi xuất hiện trong đề bài.

Ví dụ về lập dàn bài

- ① Để bài yêu cầu thí sinh trình bày quan điểm đồng tình hay phản đối với ý kiến cho trước. Hãy xác định quan điểm cá nhân về chủ đề được cho rồi liệt kê hai lý do giải thích cho quan điểm này, sau đó lần lượt diễn giải hai lý do trong đoạn thân bài 1 và đoạn thân bài 2.

Students should be encouraged to take part in exchange programmes in today's globalised world.

To what extent do you agree or disagree with this opinion?

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, sinh viên nên được khuyến khích tham gia các chương trình trao đổi.

Bạn đồng ý hay phản đối với ý kiến này đến mức độ nào?

Dàn bài

Mở bài	Ý kiến cá nhân	Agree tán thành
Thân bài 1	Lý do 1	rapidly learn another language nhanh chóng học được ngôn ngữ khác
	Bằng chứng	- have to use this language every day phải sử dụng ngôn ngữ này hằng ngày - eg) survey: students become competent in 2 nd language in a short time period ví dụ, khảo sát: sinh viên có thể thành thạo ngôn ngữ thứ hai trong một khoảng thời gian ngắn
Thân bài 2	Lý do 2	have better job opportunities có cơ hội việc làm tốt hơn
	Bằng chứng	- learn skills beneficial in a global business environment học được các kỹ năng có lợi trong môi trường kinh doanh toàn cầu - eg) multinational companies prefer applicants with experience of studying overseas ví dụ, các công ty đa quốc gia ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm học tập ở nước ngoài

- Xác định quan điểm cá nhân**
Quan điểm cá nhân: Đồng tình với ý kiến "sinh viên nên được khuyến khích tham gia các chương trình trao đổi".
- Sắp xếp nội dung chính trong phần thân bài**
Hai lý do diễn giải quan điểm đồng tình gồm: lý do 1 "nhanh chóng học được ngôn ngữ khác", lý do 2 "có cơ hội việc làm tốt hơn".
- Thêm các bằng chứng cụ thể**
Đưa ra các bằng chứng cụ thể để chứng minh cho từng lý do. Phần nêu bằng chứng trong bài luận được diễn giải thành hai nội dung là giải thích và ví dụ.

DAILY CHECK-UP

2,21%

- 01 Giáo dục dinh dưỡng nên được dạy trong trường tiểu học. Bạn đồng ý hay phản đối ý kiến này đến mức độ nào? Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Dàn bài

Mở bài:	Ý kiến cá nhân	Agree: đồng ý
Thân bài 1	Lý do 1	<u>precise knowledge about nutrition is essential for children</u> kiến thức chính xác về dinh dưỡng rất cần thiết cho trẻ
Thân bài 2	Lý do 2	<u>learning about healthy eating habits in school can be effective</u> học về thói quen ăn uống lành mạnh ở trường có thể mang lại hiệu quả

- 02 Ngày nay, mọi người thường cho rằng các thiết bị thông minh sẽ nhanh chóng thay thế vai trò của trợ lý. Vì sao mọi người lại nghĩ như vậy? Sự phát triển này là tích cực hay tiêu cực? Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Dàn bài

Mở bài:	Ý kiến cá nhân	the replacement of human assistants is a negative change việc thay thế trợ lý con người là một thay đổi tiêu cực
Thân bài 1	Câu hỏi 1: nguyên nhân	<u>cause: Technological advancement</u> nguyên nhân: tiến bộ công nghệ
Thân bài 2	Câu hỏi 2: tích cực hay tiêu cực	<u>negative development: lead to higher unemployment</u> sự phát triển tiêu cực: dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp cao hơn

- 01 Một số người cho rằng chính phủ nên cung cấp dịch vụ Internet miễn phí cho người dân. Số khác lại cho rằng người dân nên tự chi trả dịch vụ này. Hãy bàn luận về hai quan điểm trên và nêu ý kiến của riêng bạn. Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Dàn bài

Mở bài	Ý kiến cá nhân	people should pay for access to the Internet người dân nên chi trả cho việc truy cập Internet
Thân bài 1	Quan điểm trái với ý kiến cá nhân	providing free Internet service: <u>benefits citizens financially</u> cung cấp dịch vụ Internet miễn phí: có lợi về mặt tài chính cho người dân
	Bằng chứng	- giải thích: <u>everyone needs access to the Internet, but it can be expensive</u> mọi người đều cần truy cập Internet, nhưng điều này có thể rất tốn kém - ví dụ: <u>Vietnam: Internet services cost households about \$10-20 per month</u> Việt Nam: mỗi hộ gia đình phải chi khoảng 10-20 đô la/tháng cho dịch vụ Internet
Thân bài 2	Quan điểm cá nhân	citizens should pay: <u>governments must deal with more urgent issues</u> người dân nên chi trả: chính phủ phải giải quyết các vấn đề cấp bách hơn
	Bằng chứng	- giải thích: <u>still major problems with people living in poverty</u> vẫn còn những vấn đề lớn với việc người dân sống trong cảnh nghèo đói - ví dụ: <u>US: some people not being able to pay for basic needs</u> Mỹ: một số người không có khả năng chi trả cho các nhu cầu cơ bản

- 02 Lương tiêu thụ rượu ở hầu hết các quốc gia đang giảm dần. Ưu điểm của xu hướng này có vượt trội hơn so với nhược điểm hay không? Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Dàn bài

Mở bài	Ý kiến cá nhân	Advantage > Disadvantage ưu điểm > nhược điểm
Thân bài 1	Quan điểm trái với ý kiến cá nhân	disadvantage: <u>less tax income is generated</u> nhược điểm: bớt nguồn thu từ thuế
	Bằng chứng	- giải thích: <u>since alcohol is taxed at a high rate, it reduces overall tax revenue</u> vì rượu bị đánh thuế cao nên điều này làm giảm nguồn thu từ thuế nói chung - ví dụ: <u>UK lost billions of pounds when alcohol consumption went down in 2005</u> nước Anh mất hàng tỷ bảng khi lượng tiêu thụ rượu giảm vào năm 2005

Thân	Quan điểm	advantage: leads to improved health of citizens
Bài 2	cá nhân	ưu điểm: giúp cải thiện sức khỏe của người dân
		- giải thích: <u>lower alcohol consumption rates correlate with fewer accidents and illnesses</u>
	Bảng chứng	mức tiêu thụ rượu thấp hơn tương đương với ít tai nạn và bệnh tật hơn
		- ví dụ: <u>research: countries with lower rates have fewer alcohol-related deaths</u>
		nghiên cứu: các quốc gia có tỷ lệ tiêu thụ rượu thấp hơn có số ca tử vong do rượu bia ít hơn



VIẾT BÀI TASK 2 (1): VIẾT CÂU CHỦ ĐỀ

DAILY CHECK-UP

p.204

- 01** Giáo dục dinh dưỡng nên được dạy trong trường tiểu học. Bạn đồng tình hay phản đối ý kiến này đến mức độ nào? Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Câu luận đề

I firmly believe that primary schools should teach nutrition education to their students.

Câu chủ đề 1: Lý do 1

To begin with, precise knowledge about nutrition is essential for children.

Câu chủ đề 2: Lý do 2

On top of that, learning about healthy eating habits in school can be very effective.

Dịch nghĩa:

Câu luận đề

Tôi tin chắc rằng các trường tiểu học nên giáo dục dinh dưỡng cho học sinh.

Câu chủ đề 1: Lý do 1

Trước tiên, kiến thức đúng đắn về dinh dưỡng rất cần thiết cho trẻ.

Câu chủ đề 2: Lý do 2

Thêm vào đó, học về thói quen ăn uống lành mạnh ở trường có thể mang lại hiệu quả.

- 02** Một số người cho rằng nhà trường nên yêu cầu học sinh tham gia các chương trình thể thao ngoại khóa. Tuy nhiên, số khác lại cho rằng học sinh nên được tự chọn những hoạt động bản thân mong muốn. Hãy bàn luận về hai quan điểm trên và trình bày ý kiến của riêng bạn. Đưa ra lý do cho câu trả lời của bạn kèm ví dụ liên quan dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.